

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HS-ST

Ngày: 16 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tam;

2. Bà Hoàng Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 541/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 632/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/HPT-QĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/HPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023; Thông báo về việc dời lại phiên tòa xét xử số: 79/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1963 (còn sống); Họ tên mẹ: Hà Kim O, sinh năm: 1964 (đã chết); Gia đình có 03 (ba) anh em, bị cáo là con thứ nhất; Họ tên vợ: Đồng Thị L, sinh năm: 1986 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2007, con thứ hai sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 25 tháng 8 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai. (có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn An Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Cao C**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ H, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông **Đoàn Hồng T1**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ I, khu phố J, phường K, thành phố D, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Thanh T và Nguyễn An Q, sinh năm: 1980, hộ khẩu thường trú tại: Xã F, huyện G, tỉnh Đắk Lắk có quan hệ bạn bè, quen biết với nhau. Khoảng 07 giờ ngày 22 tháng 12 năm 2019, T đến phòng trọ của anh Q tại địa chỉ: Tổ L, khu phố M, phường N, thành phố D, tỉnh Đồng Nai và hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, biển số 47M1 - 53XXX cùng giấy chứng nhận đăng ký xe để đi công việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, T hẹn đến chiều cùng ngày sẽ trả cho anh Q. Sau khi mượn xe, T điều khiển xe đi công việc và sau đó quay về thành phố Biên Hòa, nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Q. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T mang xe mô tô và giấy tờ đăng ký xe của anh Q đến tiệm cầm đồ “XQ”, tại địa chỉ: Tổ O, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai, do anh Cao C, sinh năm: 1987, hộ khẩu thường trú: Thị trấn P, huyện Q, tỉnh An Giang làm chủ để cầm lấy số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền trên T sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân và ghi số đề. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Q không thấy T trả xe nên gọi điện thoại cho T để đòi xe thì T nói dối là đang đi công việc và hứa trả xe sau. Sau đó, đến ngày 26 tháng 12 năm 2019, T tiếp tục đi đến tiệm mua bán xe cũ của anh Đoàn Hồng T1 tại địa chỉ: Tổ I, khu phố J, phường K, thành phố D, tỉnh Đồng Nai, đề nghị bán xe trên. Sau đó, T đưa anh T1 đến tiệm cầm đồ của anh C để xem xe và anh T1 đồng ý mua với giá 11.200.000 đồng. Số tiền trên T dùng để trả tiền xe cho anh C và sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, đến ngày 27 tháng 12 năm 2019, anh Nguyễn An Q đến Công an phường An Bình trình báo sự việc. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2019, Nguyễn Thanh T đến Công an phường An Bình đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Công an phường An Bình đã lập hồ sơ chuyên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh T đã bỏ trốn nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định truy nã đối với T. Đến ngày 25 tháng 8 năm 2022, Nguyễn Thanh T bị bắt và xử lý theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, màu xám, biển số 47M1-53XXX, số máy E3Y8E-027XXX, số khung RLCEC820HY27XXX và Giấy đăng ký xe mô tô biển số 47M1-53XXX là tài sản của anh Nguyễn An Q, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh Q.

+ 01 (một) giấy mua bán xe giữa anh Đoàn Hồng T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T; 01 (một) giấy hẹn đăng ký xe mô tô biển số 47M1-53XXX; 01 (một) tấm hình kích thước (15cm x 20cm); 01 (một) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa anh Q và T; 01 (một) hợp đồng cầm đồ số 3121 ngày 22 tháng 12 năm 2019. Tất cả các tài liệu, chứng cứ này đều được lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 668/TCKH-HĐĐG ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, màu xám, biển số 47M1-53XXX, số máy E3Y8E-027XXX, số khung RLCEC820HY27XXX, có giá trị định giá là 25.040.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn An Q đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao C không yêu cầu bồi thường do khi T chuộc lại xe đã thanh toán đủ số tiền 10.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hồng T1 không yêu cầu bồi thường do trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình của T đã bồi thường cho anh đủ số tiền 11.200.000 đồng. Bị hại Nguyễn An Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hồng T1 xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 551/CT-VKSBH ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn

Thanh T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 12 (mười hai) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù giam, trừ đi thời gian giam giữ theo quy định.

Bị cáo T có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng:

- Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại Nguyễn An Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hồng T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã cung cấp đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 22 tháng 12 năm 2019, tại phòng trọ địa chỉ: Tổ L, khu phố M, phường N, thành phố D, Nguyễn Thanh T mượn xe mô tô biển số 47M1-53XXX của anh Nguyễn An Q, có giá trị định giá là 25.040.000 đồng để sử dụng đi công việc. Sau khi nhận được tài sản, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên mang xe mô tô trên đi cầm cho anh Cao C để lấy số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục bán xe trên cho anh Đoàn Hồng T1 với số tiền 11.200.000 đồng. Trong quá trình điều tra, T đã bỏ trốn nên bị truy nã. Đến ngày 25 tháng 8 năm 2022, Nguyễn Thanh T bị bắt và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh: Từ các căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số: 551/CT-VKSBH ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài và biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái phép là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại; được bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Cao C và anh Đoàn Hồng T1 khi nhận cầm xe và mua xe mô tô biển số 47M1-53XXX của Nguyễn Thanh T, anh C và anh T1 không biết tài sản trên do T phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý với anh C và anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, màu xám, biển số 47M1-53XXX, số máy E3Y8E-027XXX, số khung RLCEC820HY27XXX và Giấy đăng ký xe mô tô biển số 47M1-53XXX là tài sản của anh Nguyễn An Q, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh Q là phù hợp quy định của pháp luật.

- 01 (một) giấy mua bán xe giữa anh Đoàn Hồng T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T; 01 (một) giấy hẹn đăng ký xe mô tô biển số 47M1-53XXX; 01 (một) tấm hình kích thước (15cm x 20cm); 01 (một) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa anh Q và T; 01 (một) hợp đồng cầm đồ số 3121 ngày 22 tháng 12 năm 2019. Tất cả các tài liệu, chứng cứ này đều được lưu tại hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 8 năm 2022.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo